

Mẫu B2.6

CN NHCSXH (tỉnh, TP) ...
PGD (quận, huyện) ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

Phương án vay vốn đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh tham gia Dự án được liệu quý

Kính gửi: Hội đồng thẩm định Dự án

- Căn cứ Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025;
- Căn cứ Thông tư số /2022/TT-BYT hướng dẫn triển khai nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025;
- Căn cứ văn Bản hướng dẫn của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ;
- Căn cứ vào Phương án vay vốn của:

I. THÔNG TIN CỦA KHÁCH HÀNG

1. Thông tin cơ Bản về khách hàng vay vốn:

- Tên khách hàng:
- Họ và tên người đại diện:
- Chức vụ:
- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:
- Ngày cấp Nơi cấp
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
- Giấy ủy quyền (nếu có): số ngày .../.../..... của
- Địa chỉ trụ sở chính:

- Mã số thuế:
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập/Giấy phép kinh doanh/Giấy phép đầu tư số: do cấp ngày
 - Ngành nghề kinh doanh chính:
 - Tài khoản thanh toán số: tại
2. Thông tin Dự án vùng trồng được liệu quý/Dự án trung tâm nhân giống khách hàng tham gia (sau đây gọi tắt là Dự án):
- Tên Dự án:
 - Địa điểm thực hiện:
 - Tổng vốn đầu tư:
 - Thời gian thực hiện:
 - Mô tả sơ lược về Dự án (sản phẩm, quy trình,...):
 - Vai trò, vị trí của khách hàng trong Dự án:
 - Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:

II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Hồ sơ pháp lý của khách hàng

a) *Tính đầy đủ hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ? Khả năng Bổ sung những hồ sơ còn thiếu? Mức độ ảnh hưởng của việc thiếu hồ sơ đến việc đưa ra phê duyệt quyết định tín dụng).*

B) Doanh nghiệp có đủ năng lực pháp luật dân sự? ☐ Có ☐ Không, nêu cụ thể:...

c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập/Giấy phép kinh doanh/Giấy phép đầu tư số: do cấp lần đầu ngày .../.../..... (Đăng ký thay đổi lần thứ do cấp ngày)

Thời gian hiệu lực còn lại: tháng

(đánh giá sự phù hợp của thời hạn giấy tờ pháp lý với thời hạn vay vốn dự kiến).

d) Vốn đăng ký kinh doanh đến thời điểm gần nhất: triệu đồng, trong đó:

- Các cổ đông/thành viên đã góp đủ vốn điều lệ/vốn đăng ký

☐ Đã góp đủ ☐ Chưa góp đủ

- Danh sách các cổ đông/thành viên góp vốn:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Giá trị cổ phần/vốn góp theo đăng ký	Giá trị cổ phần/vốn góp thực tế	Tỷ trọng cổ phần/ vốn góp thực tế (%)
	Tổng			

Lưu ý: Giải thích lý do vốn góp thiếu/thừa, kế hoạch góp vốn Bổ sung (nếu có) và đánh giá khả năng góp vốn theo kế hoạch này (có thể chỉ dẫn tới nội dung phân tích cụ thể ở phần đánh giá năng lực sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, nếu có).

đ) Đánh giá tính pháp lý của người đại diện vay vốn

Nhận

xét:

2. Đánh giá năng lực của khách hàng

a) Quá trình hình thành và phát triển

(Trình Bày ngắn gọn, đủ ý về ngày thành lập, thời gian hoạt động tại địa phương hiện tại, quá trình thay đổi ngành nghề hoặc ngừng hoạt động kinh doanh...).

B) Mô hình tổ chức

Mô tả loại hình doanh nghiệp, mô hình tổ chức, các đơn vị thành viên, cơ chế quản lý tài chính, quy trình hoạt động, cơ chế kiểm soát (nêu rõ phân cấp thẩm quyền, cơ chế quản lý theo Điều lệ và quy chế tài chính, từ đó nhận định các nội dung đáp ứng/chưa đáp ứng; tuân thủ/chưa tuân thủ; rõ ràng/chưa rõ ràng; đầy đủ/chưa đầy đủ các vấn đề cần lưu ý khác liên quan đến việc cấp tín dụng,...). Đồng thời đưa ra đánh giá cụ thể về những rủi ro có liên quan tới việc cho vay.

c) Sản phẩm, dịch vụ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh *(Chi tiết về sản phẩm, dịch vụ, điểm khác Biệt so với các cơ sở sản xuất kinh doanh khác, sức cạnh tranh, nhu cầu của thị trường, hướng tới tầng lớp, đối tác giao dịch nào...)*

d) Mạng lưới hoạt động, địa Bàn hoạt động *(Có Bao nhiêu đơn vị mạng lưới, tập trung chính ở địa Bàn nào, khu vực nào)*

đ) Cơ sở vật chất kỹ thuật *(Biểu hiệu và Biểu tên: địa chỉ và tình trạng văn phòng, cửa hàng, nhà máy, đất sản xuất: tình trạng máy móc thiết Bị, hàng tồn kho, cây trồng, vật nuôi,...)*

e) Đánh giá năng lực của người điều hành *(Tính chân thật, độ tin cậy, tình trạng sức khỏe, sự ủng hộ của gia đình, trình độ chuyên môn, học vấn: kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý: hệ thống thông tin phục vụ quản lý...)*

g) Nguồn nhân lực

- Tổng số lao động hiện có: người, trong đó: Lao động là người dân tộc thiểu số: người (chiếm % tổng số lao động).

- Trình độ: (Tiến sỹ/Thạc sỹ/Đại học/Cao đẳng và trung cấp kỹ thuật/...)

.....

...

h) Thị trường

* Thị trường đầu vào:

Đối tác mua hàng	Số năm giao dịch	Tỷ trọng giao dịch

Nhận xét: i) nguồn cung cấp đối với các nguyên vật liệu chính (trong nước, nhập khẩu): tình sẵn có, sự Biến động của giá, uy tín với các đơn vị cung cấp, mức độ phụ thuộc...; ii) ưu thế/Bất lợi trong việc nhập nguyên liệu đầu vào, trong phương thức thanh toán; iii) các nội dung khác liên quan đến đặc thù hoạt động của doanh nghiệp

* Thị trường đầu ra:

Đối tác Bán hàng	Số năm giao dịch	Tỷ trọng giao dịch

Nhận xét: i) sự ổn định của thị trường/giá Bán sản phẩm, uy tín của các Bên hàng, sự phụ thuộc vào đối tác...; ii) thuận lợi/rủi ro trong phương thức Bán hàng thu tiền; iii) các nội dung khác phù hợp với đặc thù hoạt động của khách hàng.

3. Đánh giá tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Tình hình tài chính đến ngày/...../20.....

Bảng đối chiếu tài sản có và tài sản nợ

Đơn vị: triệu đồng

STT	Hạng mục	Năm	Tài liệu xác nhận	Năm	Tài liệu xác nhận
1	Tiền mặt - tiền gửi				
2	Tiền Bán chịu				
3	Tồn kho (vật tư, thành phẩm, sản phẩm dở dang)				

4	Tài sản cố định				
5	Các tài sản khác				
6	Tổng tài sản có (1+2+3+4+5)				
7	Tiền mua chịu				
8	Tiền vay				
9	Các nợ khác				
10	Tổng công nợ (7+8+9)				
11	Nguồn vốn chủ sở hữu (6-10)				
12	Tổng tài sản nợ (10+11)				

Nhận xét, đánh giá:

.....

B) Quan hệ tín dụng với các tổ chức tín dụng

- Quan hệ tín dụng với NHCSXH

Tổng dư nợ: đồng, trong đó: nợ quá hạn: đồng. Cụ thể:

+ Dư nợ chương trình: đồng, trong đó: nợ quá hạn: đồng;

+ Dư nợ chương trình: đồng, trong đó: nợ quá hạn: đồng;

- Quan hệ tín dụng với các tổ chức tín dụng khác

Căn cứ kết quả tra cứu CIC ngày .../.../....., tình hình quan hệ tín dụng của khách hàng với các tổ chức tín dụng khác như sau:

Số TT	Tên Tổ chức tín dụng	Hình thức cấp tín dụng	Mục đích cấp tín dụng	Dư nợ		Nhóm nợ	Tài sản Bảo đảm (loại TSBĐ, giá trị)
				VNĐ (trđ)	Ngoại tệ		

Nhận xét, đánh giá về uy tín, lịch sử trả nợ của khách hàng:

c) Kết quả hoạt động kinh doanh của 02 năm trước thời điểm vay vốn (nếu có)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm ...	Tài liệu xác nhận	Năm ...	Tài liệu xác nhận
1	Tổng doanh thu				
2	Tổng chi phí				
3	Thuế TNDN				
4	Lợi nhuận				

Nhận xét, đánh giá:

4. Tình hình sử dụng lao động

Tổng số lao động hiện có: người, trong đó: lao động là người dân tộc thiểu số: người (chiếm% tổng số lao động).

Nhận xét, đánh giá:

.....

III. ĐÁNH GIÁ PHƯƠNG ÁN VAY VỐN VÀ SỬ DỤNG VỐN VAY

- Tên phương án:
- Nơi thực hiện phương án:
- Sản phẩm của phương án:

1. Nội dung phương án vay vốn và sử dụng vốn vay

a) Đánh giá phương án vay vốn tham gia Dự án

- Mở rộng, cải tạo nhà xưởng, kho Bãi:
 - + Diện tích mở rộng, cải tạo: .
 - + Chi phí mở rộng, cải tạo: .
- Mở rộng, cải tạo đất sản xuất:
 - + Diện tích mở rộng, cải tạo: .
 - + Chi phí mở rộng, cải tạo: .
- Đầu tư trang thiết Bị:
 - + Máy móc, thiết Bị (chủng loại, số lượng, giá trị): .
 - + Phương tiện (chủng loại, số lượng, giá trị): .
- Đầu tư cây, con giống (chủng loại, số lượng, giá trị): .

- Đầu tư vốn lưu động: Vật tư, nguyên, nhiên liệu, hàng hóa, dịch vụ (chủng loại, số lượng, giá trị): .

- .

B) Đánh giá phương án sử dụng lao động

Tổng số lao động tham gia phương án: người, trong đó lao động là người dân tộc thiểu số: người (chiếm% tổng số lao động).

2. Tổng nguồn vốn thực hiện phương án: đồng, trong đó:

- Vốn tự có: đồng, tỷ lệ:%;

- Vốn vay tại NHCSXH: đồng, tỷ lệ:%;

- Vốn vay tại TCTD khác: đồng, tỷ lệ:%;

- Vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (nếu có): đồng, tỷ lệ:%;

- Vốn huy động khác: đồng, tỷ lệ:%.

Vốn vay tại NHCSXH sử dụng vào các việc:

3. Thời gian thực hiện phương án: từ tháng/20.... đến tháng/20....

4. Phân tích hiệu quả phương án (theo số năm thực hiện phương án)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm				Năm			
	Cán Bộ thẩm định tính toán		Theo PA vay vốn của khách hàng	Chênh lệch	Cán Bộ thẩm định tính toán		Theo PA vay của khách hàng	Chênh lệch
	Cách tính	Giá trị			Cách tính	Chênh lệch		
Tổng doanh thu								
Tổng chi phí								
<i>Trong đó: khấu hao</i>								
Thuế TNDN								
Lợi nhuận								

Nhận xét, đánh giá:

.....

5. Nguồn và kế hoạch trả nợ ngân hàng (theo số năm vay vốn)

TT	Chỉ tiêu	Năm	Năm	Năm
1	Nguồn từ phương án			
<i>a</i>	<i>Khấu hao</i>			
<i>B</i>	<i>Lợi nhuận</i>			
2	Nguồn khác			
3	Tổng nguồn trả nợ			

Nhận xét, đánh giá:

.....

6. Tài sản Bảo đảm tiền vay

TT	Tên tài sản	Số lượng	Giá trị (ước tính)	Giấy tờ về tài sản

Nhận xét, đánh giá (tính pháp lý, giá trị tài sản Bảo đảm, khả năng chuyển nhượng, khả năng quản lý tài sản)

V. KẾT LUẬN (đánh giá chung về tình hình hoạt động, tình hình tài chính của cơ sở sản xuất kinh doanh, mục đích vay vốn, tính khả thi của phương án, tiềm năng sản xuất, hiệu quả kinh tế, khả năng hoàn trả nợ, điều kiện về hồ sơ pháp lý, đảm Bảo tiền vay)

VI. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CHO VAY

Căn cứ hồ sơ vay vốn và kết quả thẩm định, đề nghị Hội đồng thẩm định
..... xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án vay vốn của khách hàng để NHCSXH cho vay trong trường hợp khách hàng đảm Bảo các điều kiện về Bảo đảm tiền vay theo quy định, với các nội dung chính như sau:

1. Tổng số tiền cho vay: đồng (Bằng chữ:).
2. Thời hạn cho vay: tháng.
3. Lãi suất cho vay:%/năm; Lãi suất quá hạn:%/năm.
4. Trả gốc theo định kỳ: tháng/lần; Trả lãi theo định kỳ: hằng tháng.
5. Mục đích sử dụng vốn vay:
6. Tổng số lao động tham gia phương án: người, trong đó: Lao động là người dân tộc thiểu số: người (chiếm% tổng số lao động).

** Trường hợp không đồng ý cho vay: Nêu rõ lý do không đồng ý cho vay.*

CÁN BỘ THẨM ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ và tên)

TRƯỞNG PHÒNG

KH-NVTD (TỔ TRƯỞNG

KH-NV)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày ... tháng ... năm

GIÁM ĐỐC

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng
dấu)*

Nguồn: Quyết định 1486/QĐ-BYT năm 2023